

# 華語文閱讀測驗

Test of Chinese as a Foreign Language: Reading

## 入門基礎級模擬試題

Band A

**作答注意事項** Những điều cần chú ý khi làm bài thi:

一、這個題本一共有 50 題，考試時間是 60 分鐘。

Tập đề thi này có tất cả 50 câu hỏi, thời gian làm bài thi trong khoảng 60 phút.

二、所有的答案必須寫在答案卡上。寫在題本上的答案將不算進成績。

Tất cả đáp án phải được viết trên phiếu trả lời, nếu viết đáp án lên tập đề thi sẽ không được tính điểm.

三、考試開始以後，不可以離開考試的教室。如果有問題的話，請舉手，監試人員會過去幫助你。

Sau khi thời gian làm bài thi bắt đầu, bạn không được rời khỏi phòng thi. Nếu có bất cứ thắc mắc gì, mời giơ tay để giám thị đến giúp bạn.

四、考試結束，請將題本和答案卡放在桌上。等監試人員收卷、清點完以後，才可以離開。

Sau khi thời gian thi kết thúc, hãy đặt quyển đề thi và phiếu trả lời trên bàn. Đợi giám thị tới thu bài và xác nhận xong, bạn mới được rời khỏi phòng thi.



# 第一部分

## Phần 1

(第 1~15 題)

說明：在這個部分，你會看到一個句子和(A)(B)(C)三張圖片。請根據句子的意思，從三張圖片中選出與句子意思相符的圖片。

**Hướng dẫn:** Trong phần này, bạn sẽ được xem nội dung của một câu nói, và mỗi một đáp án (A)(B)(C) đều có 1 bức tranh, hãy căn cứ vào nội dung của câu nói, chọn ra một bức tranh chính xác nhất và thích hợp nhất.

例題如下 Câu mẫu :

你會看到一句話和三張圖片：

Bạn sẽ được xem nội dung của một câu nói, và mỗi một đáp án (A)(B)(C) đều có 1 bức tranh.

1. 她在電影院門口等人。

(A)



(B)



(C)



這一題的答案是(B)，請把答案塗在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (B), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1.    (A)    ●    (C)

1. 弟弟今天很累，什麼事都不想做。

(A)



(B)

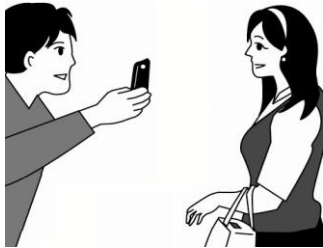


(C)

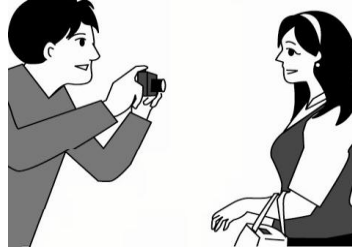


2. 他拿著手機幫朋友照相。

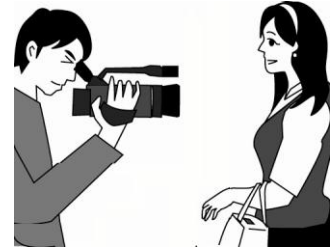
(A)



(B)



(C)



3. 這杯飲料太甜了，小林想加一點水。

(A)



(B)



(C)



4. 林小姐昨天晚上睡覺以前喝了一杯牛奶。

(A)



(B)



(C)



5. 他今天很晚才起床，所以起床以後，就吃午餐。

(A)



(B)



(C)

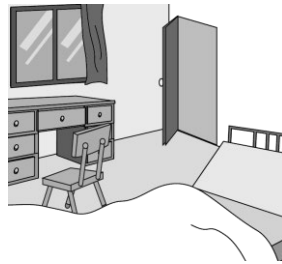


6. 房間的門跟窗戶都是關著的。

(A)



(B)



(C)



7. 大明昨天很晚睡覺，因為電影太好看了。

(A)



(B)



(C)

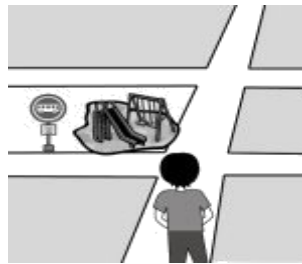


8. 經過兩個路口以後，就會看見公園旁邊的車站。

(A)



(B)



(C)



9. 她已經寫完作業，正在聽音樂。

(A)



(B)



(C)



10. 他看書看得太累了，所以躺在床上就睡著了。

(A)



(B)

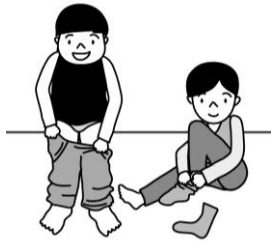


(C)

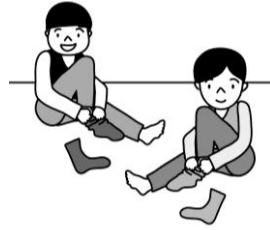


11. 他們都先穿襪子，再穿褲子。

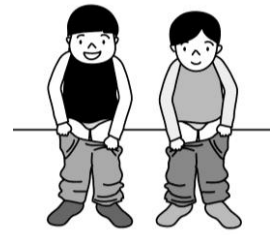
(A)



(B)



(C)



12. 媽媽每天七點起床，但是今天比較晚。

(A)



(B)



(C)



13. 他的車子壞了，所以今天坐計程車上班。

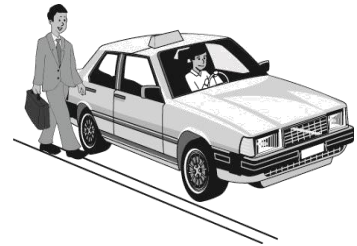
(A)



(B)



(C)



14. 她用電腦練習寫字。

(A)



(B)

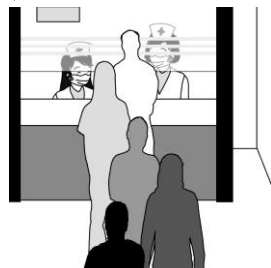


(C)

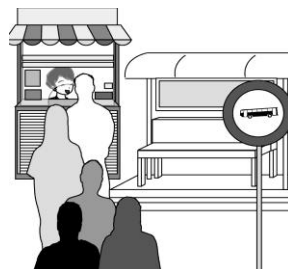


15. 很多人正在排隊掛號。

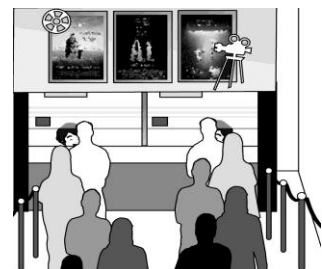
(A)



(B)



(C)



## 第二部分 Phần 2

(第 16~30 題)

說明：在這個部分，你會看到一張圖片。請根據圖片，從(A)(B)(C)三個選項中選出與圖片內容相符的句子。

**Hướng dẫn:** Trong phần này, bạn sẽ xem thấy 1 bức tranh, hãy căn cứ vào bức tranh ấy, và 3 câu đáp án (A)(B)(C), chọn ra một câu đáp án có nội dung phù hợp với nội dung của bức tranh nói trên.

例題如下 Câu mẫu :

你會看到一張圖片和三個句子：

Bạn sẽ xem thấy 1 bức tranh, và 3 câu đáp án (A)(B)(C).



2.

- (A) 她正在買豬肉。
- (B) 她還沒買水果。
- (C) 她已經買了菜了。

這一題的答案是(A) ，請把答案塗在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (A), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

2.   B  C

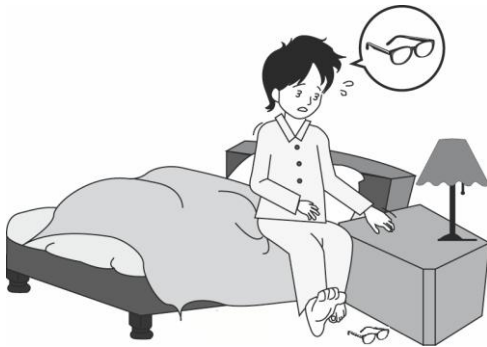


16.



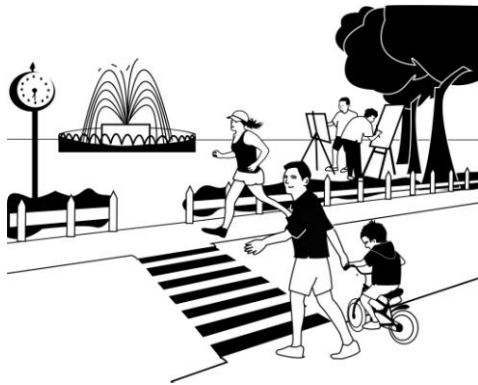
- (A) 外面出太陽。
- (B) 他們在看電視。
- (C) 水果放在椅子上。

17.



- (A) 弟弟的眼鏡壞了。
- (B) 弟弟找不到眼鏡。
- (C) 弟弟戴著眼鏡睡覺。

18.



- (A) 這裡是機場。
- (B) 有位女生在打球。
- (C) 小男孩正在騎腳踏車。

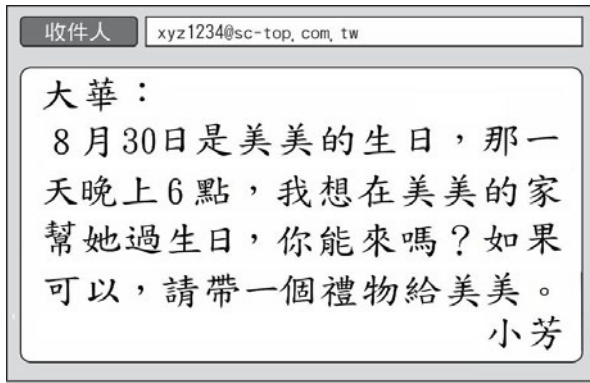
19.

小華的 功課表			
	星期一	星期二	星期三
上午	音樂課	科學課	英文課
下午		語法課	語法課
晚上		電腦課	

- (A) 小華有三天語法課。
- (B) 小華星期三上音樂課。
- (C) 小華星期二會用電腦。

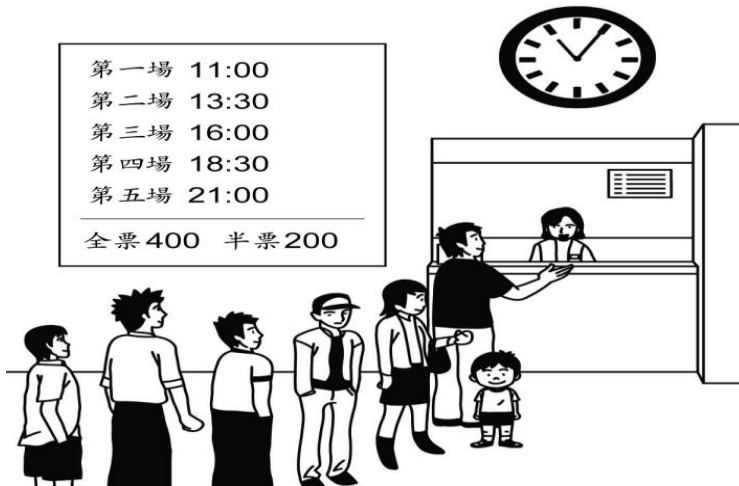


20.



- (A) 美美要大華帶禮物來。
- (B) 美美要請小芳到餐廳吃飯。
- (C) 小芳請大華一起到美美的家。

21.



- (A) 全票比半票貴兩百元。
- (B) 晚上八點可以看電影。
- (C) 中午以前的電影有兩場。

22.

星期一	星期二
23°C / 73.4°F	31°C / 87.8°F

- (A) 星期一可能要帶雨傘。
- (B) 星期二天氣可能不好。
- (C) 星期二比星期一涼快。

23.



- (A) 大家都吃完飯了。
- (B) 全部的人都拿著杯子。
- (C) 四個人坐在圓桌前面。

24.



- (A) 每個人都戴著帽子。
- (B) 大家都在唱歌和跳舞。
- (C) 蛋糕旁邊有一些禮物。

25.



- (A) 她只用一條腿站著。
- (B) 她的手放在身體前面。
- (C) 她戴著一頂漂亮的帽子。

26.

**阿里山租車公司**

公司地址：大東市文化路123號  
服務時間：10:00-22:00

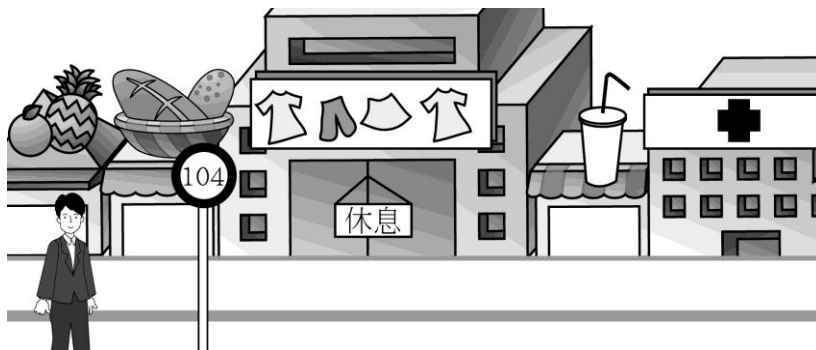
價 錢：小汽車1200元／天  
          大汽車1500元／天

---

如果想租車，請先打電話：0912-123456

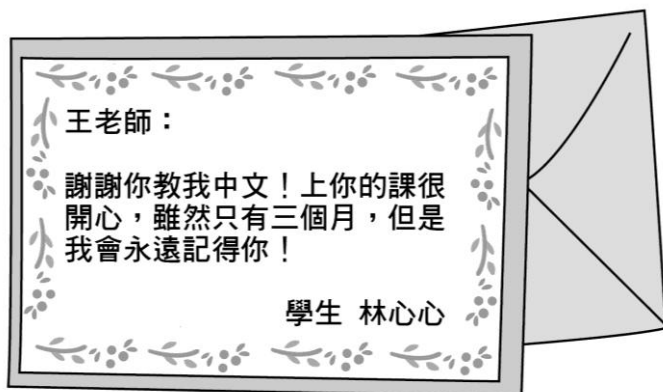
- (A) 來這家公司只能租一種車。
- (B) 想搭計程車可以打電話給這家公司。
- (C) 租車的價格，一天最少一千二百元。

27.



- (A) 醫院離他最遠。
- (B) 今天商店都開門。
- (C) 公車站在飲料店前面。

28.



- (A) 林心心跟王老師學中文。
- (B) 卡片是王老師寫給林心心的。
- (C) 他們約好還要再上三個月的課。

29.

特別價 一年一次  
來來旅館  
10月1日~10月10日  
兩人房，3500元 → 2000元  
房間裡還有不用錢的蛋糕和水果！  
只有十間，想住要快！

- (A) 十月只有兩間房間比較便宜。
- (B) 十月五日住兩人房可以得到禮物。
- (C) 來來旅館每個月都有特別的活動。

30.

家家樂早餐店  
買早餐 送紅茶  
電話：(04)22034567  
上午7點到下午2點

- (A) 去這家店喝紅茶，就送早餐。
- (B) 在這家店吃早餐，就送一杯飲料。
- (C) 這家店早上七點關門，下午兩點開門。



## 第三部分 Phần 3

(第 31~35 題)

說明：在這個部分，每個題組會有一張情境圖片，圖片下面有五個句子，請根據圖片情境，選出最合適的答案。

**Hướng dẫn:** Trong phần này, mỗi một chủ đề câu hỏi có một bức tranh tả tình huống, bên dưới của bức tranh có 5 câu đáp án, hãy căn cứ vào tình huống trong bức tranh trên, chọn ra một đáp án thích hợp và chính xác nhất.

例題如下 Câu mẫu :

你會看到一張圖片和五個句子：

Bạn sẽ xem thấy một bức tranh tả tình huống, và 5 câu đáp án.

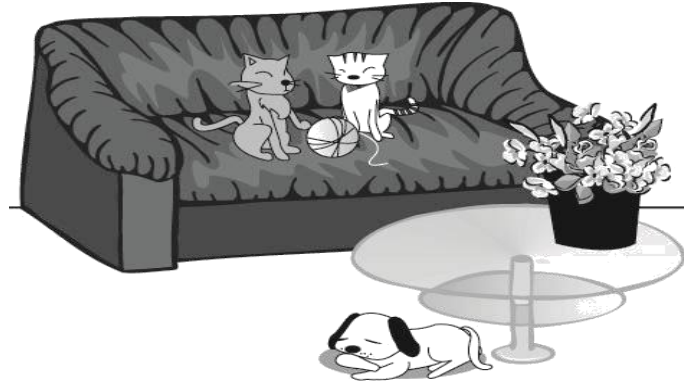


1. 張先生\_\_\_\_\_她吃法國菜。  
(A)請 (B)送 (C)買
2. 他們\_\_\_\_\_喝酒。  
(A)沒有 (B)只有 (C)正在
3. 餐桌上有\_\_\_\_\_。  
(A)筷子 (B)碗 (C)盤子
4. 這家餐廳有\_\_\_\_\_人。  
(A)太少 (B)很多 (C)多少
5. 這家餐廳的菜\_\_\_\_好吃\_\_\_\_便宜。  
(A)也...也...(B)越...越...(C)又...又...

第一題的答案是(A)，請把答案塗在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (A), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1.         B     C



31. 屋子裡一個人 \_\_\_\_\_ 沒有。
- (A) 就
  - (B) 也
  - (C) 些
32. 花瓶裡 \_\_\_\_\_ 很多漂亮的花。
- (A) 有
  - (B) 掛
  - (C) 換
33. 小狗在桌子下睡得很 \_\_\_\_\_ 。
- (A) 隨便
  - (B) 方便
  - (C) 舒服
34. 兩隻貓一起在沙發 \_\_\_\_\_ 玩兒。
- (A) 上面
  - (B) 下面
  - (C) 裡面
35. 王先生一家人一個小時後 \_\_\_\_\_ 回來。
- (A) 再
  - (B) 才
  - (C) 常

## 第四部分 Phần 4

(第 36~45 題)

說明：在這個部分，你會看到一段短文，短文中有五個空格，短文下方有六個選項。請根據短文的上下文，選出最適合該空格的答案。注意，一個選項只能用一次。

**Hướng dẫn:** Trong phần này, bạn sẽ xem thấy có 1 đoạn văn, trong đoạn văn có 5 ô trống, bên dưới của đoạn văn có 6 câu đáp án. Hãy căn cứ vào nội dung của đoạn văn, chọn ra đáp án phù hợp cho từng ô trống của đoạn văn. **Chú ý:** một đáp án chỉ được chọn một lần.

例題如下 Câu mẫu :

你會看到一段短文和六個選項：

Bạn sẽ xem thấy có 1 đoạn văn, và 6 câu đáp án.

我的室友跟我一樣大， \_\_\_\_\_ (1) \_\_\_\_\_ 。因為我們都很喜歡旅行，所以去年我們 \_\_\_\_\_ (2) \_\_\_\_\_ 。那裡的天氣不冷也不熱， \_\_\_\_\_ (3) \_\_\_\_\_ 。旅行的時候，我們看到很多漂亮的花朵，照了 \_\_\_\_\_ (4) \_\_\_\_\_ ，玩得很開心。暑假快到了，我們正在想 \_\_\_\_\_ (5) \_\_\_\_\_ ！

(A)	可是常常下雪
(B)	都是二十歲
(C)	很多照片
(D)	也不常下雨
(E)	這次要去哪裡玩
(F)	一起去歐洲玩

第一題的答案是(B)，請把答案塗在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (B), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1.    (A)    (B)    (C)    (D)    (E)    (F)



我今天跟我的台灣朋友一起去百貨公司。台灣的百貨公司  
\_\_\_\_(36)\_\_\_\_，裡面\_\_\_\_(37)\_\_\_\_。我買了幾件毛衣，還有  
\_\_\_\_(38)\_\_\_\_。我們\_\_\_\_(39)\_\_\_\_，就到\_\_\_\_(40)\_\_\_\_，雖然  
有一點貴，但是大家還是吃得很開心。

- (A) 一雙手套
- (B) 外面很漂亮
- (C) 買完東西以後
- (D) 買完東西以前
- (E) 什麼東西都有
- (F) 樓下的餐廳吃晚餐

我不上課的時候，只要有空就找工作做，所以\_\_\_\_(41)\_\_\_\_。  
在這些工作裡，\_\_\_\_(42)\_\_\_\_就是在書店工作。第一是因為我  
很愛看書，第二是因為那裡的客人比較有禮貌，工作的時候，  
\_\_\_\_(43)\_\_\_\_。可是我不太喜歡新書的味道，要是沒有那種奇  
怪的味道，\_\_\_\_(44)\_\_\_\_。雖然有這樣的問題，\_\_\_\_(45)\_\_\_\_到  
書店工作。

- (A) 我最喜歡的
- (B) 我還是願意
- (C) 那就更好了
- (D) 心情總是特別好
- (E) 心情總是特別壞
- (F) 有很多工作經驗

## 第五部分 Phần 5

(第 46~50 題)

說明：在這個部分，你會看到幾篇短文，每一篇短文後面都有一個問題，請根據短文的內容回答問題。

**Hướng dẫn:** Bạn sẽ nhìn thấy một số đoạn văn trong phần này, sau mỗi đoạn văn sẽ có 1 câu hỏi, hãy căn cứ theo nội dung của đoạn văn để trả lời câu hỏi.

例題如下 Câu mẫu :

你會看到一段短文、一個問題和四個選項：

Bạn sẽ nhìn thấy 1 đoạn văn ngắn, 1 câu hỏi cùng với 4 phương án trả lời.

每天我要到許多地方去，也會遇到很多人。有些人喜歡叫我「左轉」、「右轉」、「停」；有些人會把髒東西留在我的車上。不過也有一些不錯的人，可以從他們身上學到很多東西，所以我也交了好幾個朋友。真是什麼樣的人都有啊！

5. 寫文章的人可能是做什麼工作的？

- (A) 教書
- (B) 賣汽車
- (C) 開計程車
- (D) 打掃房子

第五題的答案是(C)，請把答案塗在答案卡上。

Đáp án của câu hỏi 5 là (C), hãy tô đen đáp án đó trên phiếu trả lời.

5. (A) (B) ● (D)

(一)

小明的爸爸對小明說：「這裡有十元，你到郵局買兩張郵票，然後把這兩封信寄出去，這一封是給王伯伯的，另外一封是給李伯伯的。」小明回來以後，還給爸爸五塊錢。爸爸問小明：「怎麼還剩五塊錢呢？」小明回答：「我把給王伯伯的信裝在給李伯伯的信裡面，這樣就不必多花五塊錢啊！」

46. 小明把信寄出去以後，會發生什麼事？

- (A) 王伯伯收到兩封信
- (B) 李伯伯收到兩封信
- (C) 李伯伯要到王伯伯家拿信
- (D) 王伯伯和李伯伯都沒收到信

(二)

最近越來越流行上網買東西，不論是吃的、穿的還是用的，只要輕鬆點幾下滑鼠就買得到，還能到處比較價錢再買。不過上網買東西也有一些問題，像是衣服不能先試穿，或是一不小心就被「買一送一」、「滿兩千送一百」的廣告吸引，買了一堆本來不必買的東西。這樣看來，上網買東西雖然方便，卻不一定省錢。

47. 寫這段短文的人覺得上網買東西怎麼樣？

- (A) 可以少花一些錢
- (B) 容易買太多東西
- (C) 能買到最流行的衣服
- (D) 不像大家說的那麼方便

(三)

我最近學會一道臺灣菜，叫做「鹹蛋苦瓜」，這道菜是房東陳媽媽教我做的。以前，我覺得苦瓜吃起來和藥一樣苦，一直不喜歡吃。可是陳媽媽教我做的苦瓜一點都不苦，吃起來又香又甜。而且陳媽媽說，吃沒煮過的苦瓜對身體更好，還說下一次要教我用沒煮過的苦瓜做好喝的果汁，我學會以後，要先做給我的好朋友玉芳喝，希望她和我一樣愛上苦瓜。

48. 寫這段話的人說了什麼？

- (A) 他一道臺灣菜也不會做
- (B) 陳媽媽和他一樣不吃苦瓜
- (C) 他發現苦瓜在臺灣是一種藥
- (D) 他的好朋友玉芳也不喜歡苦瓜

(四)

有一天，李先生和陳先生一起聊天。陳先生說：「我每天都很忙，一天要工作二十五個小時。」李先生說：「可是，一天只有二十四小時啊！」陳先生回答他：「沒關係，我每天可以早一個小時起床。」

49. 這段短文說了什麼事？

- (A) 陳先生每天幾點起床
- (B) 李先生的數學不太好
- (C) 陳先生沒有李先生忙
- (D) 李先生不相信陳先生

(五)

有三個學生，因為不喜歡每天去餐廳吃飯，開始自己學習做菜。但是每次做菜的時候，都聞到鄰居家的香味，聞起來比自己煮的香。所以他們決定開一家網路廚房公司，讓學生可以和會做菜的媽媽們買美食，這家公司負責把食物送到學生宿舍。很多媽媽認為，不管煮給幾個人吃，要花的時間差不多，所以願意加入這家公司，讓這家公司的三位老闆也賺了不少錢。

50. 這家網路廚房公司有什麼服務？

- (A) 出租廚房給學生用
- (B) 請媽媽們教學生做菜
- (C) 幫學生把家人煮的菜送到學校
- (D) 讓不太會煮菜的人吃到好吃的菜